

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2021

V/v: “*Yêu cầu không công
nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lô.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”. Theo quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị R**, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Số xx, Ấp xx, xã N, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: **Ông Bùi Giang C**, sinh năm 19xx. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số xx, Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Trần Thị R, như sau: Bà và ông Bùi Giang C chung sống với nhau như vợ chồng

từ năm 1997, không tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu rất hạnh phúc. Từ năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông C thường bất đồng quan điểm, ông C không lo cho kinh tế gia đình, có thái độ xúc phạm và đánh bà. Bà và ông C thường thường xảy ra cãi nhau. Bà và ông C ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay.

Nay thấy bà và ông C không thể hàn gắn được nữa, nên bà yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà và ông C.

Bà và ông C có 02 con chung tên Bùi Hữu T, sinh năm 01/4/200x và Bùi Hương H, sinh ngày 11/7/200x. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi Bùi Hương H, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Bùi Hữu T đã trưởng thành, bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn, ông Bùi Giang C vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2020 có ý kiến như sau: Ông thống nhất với bà R về thời gian sống chung, thời gian ly thân, con chung. Nguyên nhân ông và bà R sống chung có mâu thuẫn là do do bà R không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đi chơi qua đêm với bạn bè. Ông yêu cầu Tòa án cho thời gian ông và bà R thử thách một năm.

Ông và bà R có 02 con chung tên Bùi Hữu T, sinh năm 01/4/200x và Bùi Hương H, sinh ngày 11/7/200x. Con chung muốn sống chung với ai do con chung quyết định.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Đương sự trình bày đã cung cấp đủ chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị R yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Bùi Giang C. Do ông C hiện đang sinh sống tại xã N, huyện T, tỉnh L nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Bùi Giang C nhưng ông

C vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Trần Thị R và ông Bùi Giang C sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông C là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Do bà R và ông C chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà R và ông C.

[4] Về con chung: Bà R và ông C có 02 con chung tên Bùi Hữu T, sinh năm 01/4/200x và Bùi Hương H, sinh ngày 11/7/200x.

[4.1] Đối với con chung Bùi Hữu T, sinh năm 01/4/200x đã thành niên, bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2] Đối với con chung Bùi Hương H, sinh ngày 11/7/200x. Bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì con chung sống với bà R. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 19/8/2020 Bùi Hương H có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của H theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử quyết định giao Bùi Hương H cho bà R nuôi dưỡng. Do bà R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản: Bà R và ông C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà R và ông C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị R và ông Bùi Giang C.

2. Về con chung: Bà Trần Thị R được trực tiếp nuôi con tên Bùi Hương H, sinh ngày 11/7/200x. Ông Bùi Giang C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị R phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004098, ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà R đã nộp đủ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

-TAND tỉnh Long An.

-VKSND huyện Tân Trụ.

-THA DS huyện Tân Trụ.

-Các đương sự.

- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng